

**UBND TỈNH PHÚ THỌ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Hùng Vương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 828/QĐ-ĐHHV*

*ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Văn bản này quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên (sau đây gọi tắt là giảng viên) tại Trường Đại học Hùng Vương, bao gồm: nhiệm vụ của giảng viên định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, quản lý, sử dụng và áp dụng thời gian làm việc.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này áp dụng đối với giáo viên, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giảng viên cao cấp và giáo sư thuộc biên chế sự nghiệp của Trường Đại học Hùng Vương (sau đây gọi chung là các chức danh giảng viên).

##### **Điều 3. Mục đích**

1. Làm căn cứ để Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương phân công, bố trí, sử dụng, tăng cường hiệu lực công tác quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động đối với giảng viên.

2. Giúp cho nhà trường có căn cứ để kiểm tra, thẩm định, đánh giá và xây dựng chính sách, chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên.

3. Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Làm cơ sở để đánh giá, xếp loại giảng viên hằng năm và đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của giảng viên.

### **Chương II**

#### **ĐỊNH MỨC THỜI GIAN LÀM VIỆC VÀ GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN**

##### **Điều 4. Quy định về thời gian làm việc**

1. Thời gian làm việc của giảng viên thực hiện theo chế độ tuần làm việc 40 giờ và được xác định theo năm học.

2. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong nhà trường là 1760 giờ sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

**Điều 5. Giờ chuẩn giảng dạy**

1. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi để thực hiện một công việc tương đương cho một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp theo niên chế bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

2. Định mức giờ chuẩn giảng dạy cho giảng viên trong một năm học là 270 giờ chuẩn, giờ chuẩn trực tiếp trên lớp chiếm tối thiểu 50% định mức quy định

**Điều 6. Quy đổi ra giờ chuẩn giảng dạy**

Trường Đại học Hùng Vương thực hiện quy đổi thời gian thực hiện một số nhiệm vụ của khoản 2 Điều 5 như sau:

| <b>STT</b> | <b>Hạng mục</b>  | <b>Giờ quy đổi</b>                   |
|------------|--|--------------------------------------|
| 1          | Giảng dạy 1 tiết lý thuyết đào tạo theo niên chế:<br>- Lớp £ 40 sinh viên<br>- Thêm 10 sinh viên   | 1,0<br>0,1 (tối đa 0,5)              |
| 2          | Giảng dạy 1 tiết lý thuyết đào tạo theo hệ thống tín chỉ<br>- Lớp £ 40 sinh viên<br>- Thêm 10 sinh viên  | 1,1<br>0,1 (tối đa 0,5)              |
| 3          | Hướng dẫn sinh viên tham quan, kiến tập (Thực tập 1), thực tế, rèn nghề: 1 ngày (8 giờ).   | 2                                    |
| 4          | Hướng dẫn bài tập, thí nghiệm, thực hành, tập giảng, nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thảo luận:<br>- Hướng dẫn 1 tiết thực hành, thí nghiệm.<br>- Hướng dẫn 1 tiết (bài tập, thảo luận, semina).<br>- Hướng dẫn 1 tiết (thực tế ngoài trời).<br>- Hướng dẫn 1 tiết thực hành (ngoài trời) môn GDTC, các môn Lý luận chính trị.<br>- Hướng dẫn và chấm bài tập tâm lý của SV: 10 bài tập<br>- Hướng dẫn SV sư phạm cuối khoá tập giảng (RL NVSP TX) trước khi đi Thực tập 2 (nhóm từ 12 đến 15 SV) tính /1 nhóm | 0,5<br>0,75<br>0,5<br>1,0<br>1<br>30 |
| 5          | Một tiết dạy chuyên đề, giảng lý thuyết cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và một tiết dạy tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ.  | 2                                    |
| 6          | Giảng viên phụ trách cụm TTSP/1 tuần   | 5                                    |
| 7          | - Hướng dẫn và chấm 1 bài tập lớn cho 1 SV (theo yêu cầu của chương trình).<br>TS hướng dẫn tối đa 12 bài tập/năm, Th.S hướng dẫn tối đa 9 bài tập/năm, CN hướng dẫn không quá 5 bài tập/năm.  | 1                                    |

|    |  |          |
|----|--|----------|
| 8  | <p><b>Chấm thi: Chấm thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thi Tự luận: 20 bài (tính cho 2 GV chấm) 2</li> <li>+ Chấm thi trắc nghiệm: 30 bài (tính cho 2 GV chấm) 2</li> <li>+ Thi vấn đáp, thực hành: 20 Sinh viên (tính cho 2 GV chấm) 2</li> <li>+ Thư ký vấn đáp/1 buổi đối với giảng viên, thư ký vấn đáp nếu không tính giờ định mức vào mặt bằng lao động thì được thanh toán trực tiếp theo quy chế chi tiêu nội bộ. 1</li> <li>+ Khoá luận tốt nghiệp: 01 khóa luận (tính cho 1 GV chấm) 4</li> </ul> |          |
| 9  | <p><b>Hướng dẫn thực tập và đồ án, khoá luận tốt nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp một nhóm trong 1 tuần (1 nhóm từ 3- 5 SV) 1</li> <li>- Hướng dẫn đồ án và khoá luận tốt nghiệp 01 SV/01 đề tài 20</li> <li>- Hướng dẫn làm luận văn thạc sĩ 70</li> <li>- Hướng dẫn làm luận án tiến sĩ 200</li> </ul>   |          |
| 10 | <p><b>Chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập lớp đào tạo theo tín chỉ xếp loại Tốt / Khá / Trung Bình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp ≤ 40 sinh viên: 60 /50/40</li> <li>- Lớp thêm 10 sinh viên 0,1 (tối đa 0,3)</li> </ul>   |          |
| 11 | <p><b>Chủ nhiệm lớp đào tạo theo niên chế xếp loại Tốt / Khá / Trung bình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp ≤ 40 sinh viên: 30 / 25 / 20</li> <li>- Lớp thêm 10 sinh viên 0,1 (tối đa 0,3)</li> </ul>   |          |
| 12 | <p><b>Coi thi học phần</b><br/>(Cán bộ coi thi nếu không tính giờ định mức vào mặt bằng lao động thì được thanh toán trực tiếp theo quy chế chi tiêu nội bộ)</p>   | 2,0/buổi |

**Điều 7. Định mức giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, đảng, đoàn thể trong Trường Đại học Hùng Vương.**

Giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, đảng, đoàn thể trong Trường Đại học Hùng Vương có nghĩa vụ giảng dạy và Nghiên cứu khoa học theo định mức dưới đây (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn của chức danh giảng viên đang giữ):

| STT | Kiểm nhiệm                 | Định mức (%) |
|-----|----------------------------|--------------|
| I   | <b>Chức vụ chính quyền</b> |              |
| 1   | Hiệu trưởng                | 15           |

|    |   |                                  |
|----|---|----------------------------------|
| 2  | Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường   | 20                               |
| 3  | Trưởng các phòng, ban chức năng trực thuộc trường   | 25                               |
| 4  | Giám đốc trung tâm, Phó Trưởng phòng, ban chức năng trực thuộc trường, Giảng viên công tác ở các phòng, ban trực thuộc trường, giảng viên là giáo vụ các khoa   | 30                               |
| 5  | Phó giám đốc trung tâm trực thuộc trường  | 35                               |
| 6  | Giảng viên các trung tâm trực thuộc trường  | 40                               |
| 7  | Giảng viên làm việc tại các trung tâm, xưởng, trạm thuộc khoa (làm việc giờ hành chính)   | 50                               |
| 8  | Trưởng khoa/phó trưởng khoa<br>< 40 giảng viên hoặc < 800 sinh viên<br>≥ 40 giảng viên hoặc ≥ 800 sinh viên   | 75/80<br>70/75                   |
| 9  | Trưởng/Phó bộ môn/ trợ lý khoa  | 80/85/85                         |
| 10 | Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch công đoàn trường   | 50                               |
| 11 | PBT Đảng ủy, Thường vụ Đảng ủy, PCT công đoàn trường, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, CT Hội cựu chiến binh.   | 60                               |
| 12 | Bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn đơn vị trực thuộc   | 85                               |
| 13 | Phó bí thư chi bộ, Phó chủ tịch công đoàn đơn vị trực thuộc   | 90                               |
| 14 | Giám đốc, phó giám đốc, Cán bộ quản lý, Giảng viên, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thực hiện theo Thông tư liên liên tịch 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-NCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015 của các bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và xã hội, Quốc phòng, Công an, Nội vụ, Tài chính. Về việc quy định chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh |                                  |
| 15 | Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm  | 2,5 giờ/ngày                     |
| 16 | Giảng viên làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg. Cụ thể:<br>Bí thư Đoàn TN/Phó Bí thư Đoàn TN, Chủ tịch Hội SV Trường/<br>Phó Chủ tịch Hội SV Trường<br>- Dưới 5.000 SV<br>- Từ 5.000 SV đến dưới 10.000 SV<br>- Từ 10.000 SV trở lên  | 50/60/70<br>40/50/60<br>30/40/50 |

**Điều 8. Quy định về nghiên cứu khoa học**

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

2. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cho giảng viên trong một năm học là: 150 giờ. Đối với giảng viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm trực thuộc trường thực hiện giờ NCKH bằng với giờ chuẩn định mức giảng dạy.

3. Việc giao và triển khai thực hiện nhiệm vụ NCKH phải phù hợp với điều kiện, tiềm lực khoa học, định hướng phát triển hoạt động khoa học và công nghệ của trường và của tỉnh.

4. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhận. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc 01 bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc 01 bài báo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành.

5. Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan.

**Điều 9. Quy đổi về giờ chuẩn nghiên cứu khoa học**

Trường Đại học Hùng Vương quy đổi thời gian thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học như sau:

| TT | Nhiệm vụ NCKH  | Tổng số giờ tiêu chuẩn |
|----|--|------------------------|
| 1  | <b>Thực hiện đề tài (dự án khoa học các cấp)</b>   |                        |
|    | Cấp nhà nước   | 450                    |
|    | Đề tài cấp bộ/ ngành/ tỉnh   | 300                    |
|    | Đề tài cấp cơ sở   | 220                    |
| 2  | <b>Viết bài báo đăng trên tạp chí của trường hoặc tạp chí chuyên ngành trong nước và ngoài nước; viết bài tham luận tại các Hội nghị, Hội thảo, các báo cáo chuyên đề khoa học trong nước và Quốc tế.</b>  |                        |
|    | - Bài báo đăng trên Tạp chí Quốc tế (nếu có nhiều người tham gia: chủ biên 50%, số giờ còn lại chia đều cho số tác giả cộng tác)   | 300                    |
|    | - Bài viết đăng trong kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo Quốc tế (có xuất bản); bài viết về chuyên đề khoa học được trình bày (theo chương trình Hội nghị, Hội thảo Quốc tế)  | 200                    |
|    | - Bài viết, bài báo trên các Tạp chí chuyên ngành trong nước, đăng trong kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo Quốc gia (có xuất bản); bài viết về chuyên đề khoa học được trình bày (theo chương trình Hội nghị, Hội thảo Quốc gia); Bài báo đăng trên tạp chí khoa học của các trường đại học. | 150                    |
|    | - Bài báo đăng trên kỷ yếu khoa học cấp Tỉnh (có xuất bản); bài viết về chuyên đề khoa học được trình bày (theo chương trình Hội nghị, Hội thảo Tỉnh)  | 100                    |
| 3  | - Bài viết về chuyên đề khoa học được trình bày (theo chương trình Hội nghị, Hội thảo cấp trường)  | 50                     |

|   |  |  |
|---|--|--|
|   | <b>Dịch sách, giáo trình và tài liệu tham khảo (theo đặt hàng của trường)</b>  | 3 giờ chuẩn/ 01 trang (trang có khoảng 500 từ) |
| 4 | Viết Giáo trình, được Hội đồng khoa học Trường nghiệm thu (nếu không được thanh toán tiền từ đề tài)   | Tính 45 tiết/ 01 tín chỉ                       |
|   | Viết Tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn học tập, được hội đồng KH Trường nghiệm thu (nếu không được thanh toán tiền từ đề tài)   | <b>Tính 30 tiết/ 01 tín chỉ</b>                |
| 5 | <b>Tham gia công tác quản lý hoạt động NCKH</b>  |  |
|   | Thành viên Hội đồng KH&ĐT cấp trường; chủ tịch Hội đồng KH cấp khoa  | 20   |
|   | - Thành viên hội đồng Khoa   | 15   |
|   | - Tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ NCKH; Hội đồng thẩm định đề cương nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, SKKN và ý tưởng sáng tạo (bao gồm đọc, viết nhận xét và tham dự các phiên họp). Tính cho 1 nhiệm vụ (nếu không được chi tiền từ đề tài). | 3  |
|   | - Tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN; Hội đồng thẩm định đề cương nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh, cấp Bộ và cấp nhà nước (bao gồm đọc, viết nhận xét và tham dự các phiên họp). Tính cho 1 nhiệm vụ (nếu không được chi tiền từ đề tài).    | 7  |
|   | - Tham gia Hội đồng nghiệm thu đề tài KHCN cấp Tỉnh, cấp Bộ và cấp nhà nước (bao gồm đọc, viết nhận xét và tham dự các phiên họp). Tính cho 1 nhiệm vụ (nếu không được chi tiền từ đề tài).  | 5  |
|   | - Phản biện đề tài NCKH cấp trường (bao gồm đọc, viết nhận xét). Tính cho 1 phản biện (nếu không được chi tiền từ đề tài).   | 3  |
|   | - Phản biện đề tài NCKH cấp Khoa, Bộ môn trực thuộc trường (bao gồm đọc, viết nhận xét). Tính cho 01 phản biện (nếu không được chi tiền từ đề tài).  | 2  |
|   | - Thẩm định biên dịch sách và tài liệu tham khảo (bao gồm đọc, viết nhận xét và tham dự hội đồng).   | 7 giờ chuẩn/ 01 buổi họp Hội đồng              |

**Điều 10. Quy định về các nhiệm vụ khác**

Thời gian dành cho các nhiệm vụ khác được tính riêng cho từng chức danh giảng viên. Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương quy định chi tiết nội dung các nhiệm vụ này và các biện pháp thực hiện.

Định mức giờ chuẩn chung/ 01 năm học

| STT | Chức danh   | Giảng dạy | NCKH | Các nhiệm vụ khác | Tổng giờ tiêu chuẩn/01 năm |
|-----|-------------|-----------|------|-------------------|----------------------------|
| 1   | GVCC,GVC,GV | 270       | 150  | 30                | 450                        |
| 2   | Giáo viên   | 450       |      | 90                | 540                        |

Các nhiệm vụ khác: Tự bồi dưỡng, nghiên cứu giảng dạy chuyên đề mới; dự giờ và tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy (1 giờ dự = 01 giờ chuẩn); tham dự sinh hoạt chuyên môn, tham dự các lớp học tập bồi dưỡng (1 buổi = 02 giờ chuẩn).

Các khoa, bộ môn có trách nhiệm quản lý và đánh giá mức độ hoàn thành và thực hiện nhiệm vụ khác của các giảng viên trong đơn vị.

### **Điều 11. Áp dụng định mức giờ chuẩn**

1. Giảng viên trong thời gian hợp đồng làm việc lần đầu ở Trường Đại học Hùng Vương hoặc trong thời gian thử việc ở Trường Đại học Hùng Vương chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy. Mỗi giảng viên chỉ được áp dụng giảm giờ một lần khi thực hiện chế độ tập sự.

2. Giảng viên giảng dạy vượt định mức giờ chuẩn và hưởng chế độ làm việc vượt định mức giờ chuẩn thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Giảng viên sau khi được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo nếu không còn giữ chức danh giảng viên thì không thực hiện định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định tại Văn bản này.

4. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ chỉ được áp dụng định mức giờ chuẩn thấp nhất trong các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại Điều 7.

5. Giảng viên trong thời gian nghỉ thai sản, chữa bệnh dài ngày (có giấy xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh) được giảm trừ nhiệm vụ theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội.

6. Giảng viên có con nhỏ dưới 12 tháng được giảm trừ định mức giảng dạy là: 10% tương ứng với thời gian làm việc được quy định tại khoản 5 Điều 155 Bộ luật Lao động hiện hành.

7. Giảng viên tham gia học cao học, nghiên cứu sinh theo hình thức không tập trung thực hiện định mức bằng 30% định mức giảng dạy và NCKH.

8. Giảng viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý theo Điều 7, thì thực hiện giảm trừ tương ứng như đối với giảng viên.

9. Vượt giờ chỉ thực hiện với giờ giảng dạy và thực hiện theo nguyên tắc: Tính bình quân giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo mặt bằng lao động của bộ môn; sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ mới được tính vượt giờ.

### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm quán triệt, phổ biến đến toàn thể giảng viên và tổ chức thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề nảy sinh cần bổ sung sửa đổi, các đơn vị kịp thời báo cáo Hiệu trưởng để xem xét giải quyết.

**HIỆU TRƯỞNG**

Đã ký

**PGS. TS Cao Văn**